

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	05-37
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-37

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Số: 1388/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		88,928,711,066	94,835,164,609
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28,589,122,696	29,807,489,309
111	1. Tiền		5,089,122,696	12,307,489,309
112	2. Các khoản tương đương tiền		23,500,000,000	17,500,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31,264,991,693	19,519,218,520
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23,233,846,154	16,271,379,986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		95,688,543	1,893,158,483
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	7,000,000,000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	935,456,996	1,354,680,051
140	IV. Hàng tồn kho	8	28,663,362,303	44,856,024,523
141	1. Hàng tồn kho		28,663,362,303	44,856,024,523
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		411,234,374	652,432,257
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	375,481,482	593,808,604
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	13,370,761
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	35,752,892	45,252,892
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112,931,916,603	111,670,216,914
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4,381,496,000	1,081,496,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		4,381,496,000	1,081,496,000
220	II. Tài sản cố định		32,585,385,158	35,504,892,595
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	27,754,674,425	30,572,101,354
222	- Nguyên giá		77,819,941,484	77,955,214,405
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50,065,267,059)	(47,383,113,051)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4,830,710,733	4,932,791,241
228	- Nguyên giá		6,637,088,088	6,637,088,088
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,806,377,355)	(1,704,296,847)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	35,965,590,171	36,926,926,935
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16,491,382,018)	(15,530,045,254)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		446,190,387	163,717,636
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		446,190,387	163,717,636
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	37,784,070,694	36,443,042,843
251	1. Đầu tư vào công ty con		34,000,021,370	32,658,993,519
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1,038,279,876)	(1,038,279,876)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,769,184,193	1,550,140,905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1,769,184,193	1,550,140,905
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		201,860,627,669	206,505,381,523

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10,924,736,237	16,831,667,059
310	I. Nợ ngắn hạn		10,924,736,237	16,831,667,059
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5,228,394,321	4,210,614,744
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		940,601,390	995,972,543
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	415,457,237	26,670,276
314	4. Phải trả người lao động		561,129,000	1,161,791,600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		70,995,854	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	2,804,405,694	3,018,435,941
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	903,752,741	7,418,181,955
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		190,935,891,432	189,673,714,464
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	190,935,891,432	189,673,714,464
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58,480,640,000	58,480,640,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		58,480,640,000	58,480,640,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140,906,644,443	140,906,644,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		4,368,550,442	4,368,550,442
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3,294,306,893)	(4,556,483,861)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(4,556,483,861)	(3,778,977,560)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1,262,176,968	(777,506,301)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		201,860,627,669	206,505,381,523



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập



Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng






Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	60,212,990,303	51,942,639,638
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	501,677,510	874,149,688
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		59,711,312,793	51,068,489,950
11	4. Giá vốn hàng bán	21	55,030,681,477	48,263,759,050
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,680,631,316	2,804,730,900
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1,050,941,082	917,589,899
22	7. Chi phí tài chính	23	231,372,316	191,572,764
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>103,063,665</i>	<i>101,608,380</i>
25	8. Chi phí bán hàng	24	1,082,542,401	899,237,423
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,151,217,587	2,483,433,299
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1,266,440,094	148,077,313
31	11. Thu nhập khác		-	34,707,856
32	12. Chi phí khác		4,263,126	56,595,000
40	13. Lợi nhuận khác		(4,263,126)	(21,887,144)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,262,176,968	126,190,169
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,262,176,968	126,190,169

 <hr/> Nguyễn Thị Ngọc Duyên Người lập	 <hr/> Nguyễn Thị Xuân Kế toán trưởng	 <hr/> Hoàng Minh Anh Tú Tổng Giám đốc TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015
---	--	---

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1,262,176,968	126,190,169
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4,129,313,296	5,459,870,339
03	- Các khoản dự phòng		-	(2,921,048,153)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		49,057,391	(14,461,467)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(939,766,283)	359,320,639
06	- Chi phí lãi vay		103,063,665	101,608,380
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4,603,845,037	3,111,479,907
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4,787,817,412)	1,491,336,537
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		16,192,662,220	2,460,375,517
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		622,092,792	1,420,936,530
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(716,166)	406,279,603
14	- Tiền lãi vay đã trả		(103,063,665)	(101,608,380)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	302,290,640
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29,085,000)	(1,204,640,138)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16,497,917,806	7,886,450,216
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(595,254,738)	(746,110,398)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	34,545,456
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10,300,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	300,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,341,027,851)	(2,500,000,001)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5,100,000,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,033,766,283	264,181,435
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11,202,516,306)	2,452,616,492
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3,857,336,066	11,882,935,588
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(10,371,765,280)	(19,319,212,997)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1,438,800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6,514,429,214)	(7,437,716,209)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1,219,027,714)	2,901,350,499

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		29,807,489,309	17,584,518,588
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		661,101	2,263,435
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	28,589,122,696	20,488,132,522



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập



Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng


Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 58.480.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 58.480.640.000 đồng; tương đương 5.848.064 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu văn hóa phẩm, bao bì và cung ứng dịch vụ Công Nghệ Thông Tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga - nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 32.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Phần mềm máy tính	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng bao gồm cả trường hợp trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4,231,133,461	4,973,996,083
Tiền gửi ngân hàng	857,989,235	7,333,493,226
Các khoản tương đương tiền	23,500,000,000	17,500,000,000
	<u>28,589,122,696</u>	<u>29,807,489,309</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

(1) Theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ/2014 ngày 15/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết số 01-05/NQHĐQT/2014 ngày 15/05/2014 của Hội đồng quản trị, Công ty cam kết tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc lên 20.000.000.000 đồng. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty TNHH Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc là 20.000.000.000 đồng. Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn bằng tiền là 1.341.027.851 đồng, vốn thực góp đến 30 tháng 06 năm 2015 là 20.000.000.000 đồng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
		VND	VND
Góp vốn đầu tư			
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	1,341,027,851	2,500,000,000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	-	1

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Doanh thu

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1,688,350,466	1,007,966,634
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	13,283,634,110	1,846,756,061
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	-	219,789,055
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	937,846,559	834,705,192

Mua hàng

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	121,754,513	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	16,136,086,581	4,419,827,392

Cổ tức nhận được

Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	376,000,000	564,000,000
---	------------------	-------------	-------------

Cho vay

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	3,300,000,000	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	2,000,000,000	-

Lãi cho vay

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	11,750,000	-
--	-------------	------------	---

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc		2,257,419,927	1,914,732,871
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc		8,079,864,382	769,175,809
Các khoản phải thu khách hàng khác		12,896,561,845	13,587,471,306
		<u>23,233,846,154</u>	<u>16,271,379,986</u>
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	2,257,419,927	1,914,732,871
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	8,079,864,382	769,175,809
Công ty Cổ Phần In Thương Mại Quảng Cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	329,173,913	329,173,913
		<u>10,666,458,222</u>	<u>3,013,082,593</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7,000,000,000	-
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc ⁽¹⁾	2,000,000,000	-
Cá nhân ⁽²⁾	5,000,000,000	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	4,381,496,000	1,081,496,000
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc ⁽³⁾	4,381,496,000	1,081,496,000
	11,381,496,000	1,081,496,000

(1) Hợp đồng số 02/HĐVV.15 ngày 19/06/2015 quy định cụ thể như sau: số tiền cho vay 2 tỷ, không tính lãi, thời hạn 01 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

(2) Các khoản cho vay cá nhân số tiền cho vay 5 tỷ, lãi suất 7% năm, thời hạn cho vay 01 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

(3) Hợp đồng vay 01/06/2015.HĐCVV ngày 09/06/2015 quy định cụ thể như sau: hạn mức cho vay là 5 tỷ, lãi suất 7,5% năm, thời hạn cho vay 24 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376,000,000	-	470,000,000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	26,348,063	-	-	-
Phải thu khác	533,108,933	-	884,680,051	-
	935,456,996	-	1,354,680,051	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19,639,503,340	-	29,259,215,727	-
Công cụ, dụng cụ	768,003,525	-	800,338,810	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1,447,134,138	-
Thành phẩm	6,419,893,415	-	11,722,076,976	-
Hàng hoá	1,835,962,023	-	1,627,258,872	-
	28,663,362,303	-	44,856,024,523	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6,237,885,093	399,202,995	6,637,088,088
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	399,202,995	6,637,088,088
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1,382,046,382	322,250,465	1,704,296,847
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	27,375,300	102,080,508
Số dư cuối kỳ	1,456,751,590	349,625,765	1,806,377,355
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,855,838,711	76,952,530	4,932,791,241
Tại ngày cuối kỳ	4,781,133,503	49,577,230	4,830,710,733

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2015 là 16.491.382.018 đồng, trong đó khấu hao từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 961.336.764 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	375,481,482	593,808,604
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	375,481,482	593,808,604
b) Dài hạn	1,769,184,193	1,550,140,905
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	773,607,093	655,255,278
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	400,117,327	455,947,651
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	107,481,249	308,311,578
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	487,978,524	130,626,398
	2,144,665,675	2,143,949,509

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Đông Dương	818,072,420	818,072,420	818,072,420	818,072,420
Qatar Chemical And Hemical anh Petrochemical Marketing Distribuition Company	2,662,732,800	2,662,732,800	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1,747,589,101	1,747,589,101	3,392,542,324	3,392,542,324
	5,228,394,321	5,228,394,321	4,210,614,744	4,210,614,744

	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
		VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan					
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	167,728,809	167,728,809	78,482,843	78,482,843
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	13,068,000	13,068,000	-	-

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	26,653,072
Bảo hiểm y tế	-	1,767,600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	716,240
Quỹ phải trả người lao động	1,445,761,942	1,749,130,442
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7,297,200	7,297,200
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,345,396,552	1,096,256,552
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,950,000	136,614,835
	2,804,405,694	3,018,435,941

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2015	đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58,480,640,000	53,562,120,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	58,480,640,000	53,562,120,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	58,480,640,000	53,562,120,000
d) Cổ phiếu		
	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,848,064	5,848,064
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,848,064	5,848,064
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,848,064	5,848,064
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,412,250	5,412,250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,412,250	5,412,250
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4,368,550,442	4,368,550,442
	4,368,550,442	4,368,550,442
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
	30/06/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2,395.29	39,747.76
- Đồng Euro (EUR)	288.74	294.20
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2015	đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	48,788,939,628	41,386,040,443
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,424,050,675	10,556,599,195
	60,212,990,303	51,942,639,638

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	128,527,510	858,563,870
Giảm giá hàng bán	373,150,000	15,585,818
	501,677,510	874,149,688

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	44,588,371,323	39,053,378,041
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10,442,310,154	9,210,381,009
	55,030,681,477	48,263,759,050

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	533,591,908	256,681,435
Cổ tức, lợi nhuận được chia	406,174,375	564,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	111,174,799	82,446,997
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	14,461,467
	1,050,941,082	917,589,899

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	103,063,665	101,608,380
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	1,214,547,530
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	79,251,260	55,967,412
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	49,057,391	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1,180,550,558)
	231,372,316	191,572,764

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	367,922,220	475,090,300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251,034,646	255,006,239
Chi phí khác bằng tiền	463,585,535	169,140,884
	1,082,542,401	899,237,423

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62,459,852	79,483,149
Chi phí nhân công	2,032,542,440	1,188,230,144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603,196,187	560,550,287
Thuế, phí, lệ phí	20,039,894	16,887,954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219,190,009	262,123,337
Chi phí khác bằng tiền	213,789,205	376,158,428
	<u>3,151,217,587</u>	<u>2,483,433,299</u>

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,262,176,968	126,190,169
Các khoản điều chỉnh tăng	-	50,595,000
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	50,595,000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1,262,176,968)	(564,000,000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(406,174,375)	(564,000,000)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(856,002,593)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(387,214,831)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	<u>-</u>	<u>-</u>

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11,771,055,151	29,220,262,508
Chi phí nhân công	2,744,253,660	5,956,242,962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,129,313,296	4,239,855,746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490,264,549	3,605,614,164
Chi phí khác bằng tiền	665,853,192	1,475,650,668
	<u>19,800,739,848</u>	<u>44,497,626,048</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28,589,122,696	-	29,807,489,309	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24,169,303,150	-	17,626,060,037	-
Các khoản cho vay	11,381,496,000	-	1,081,496,000	-
Đầu tư dài hạn	122,329,200	-	122,329,200	-
	64,262,251,046	-	48,637,374,546	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	903,752,741	7,418,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	8,032,800,015	7,229,050,685
Chi phí phải trả	70,995,854	-
	9,007,548,610	14,647,232,640

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28,589,122,696	-	-	28,589,122,696
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24,169,303,150	-	-	24,169,303,150
Các khoản cho vay	11,381,496,000	-	-	11,381,496,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<u>64,139,921,846</u>	<u>122,329,200</u>	<u>-</u>	<u>64,262,251,046</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29,807,489,309	-	-	29,807,489,309
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17,626,060,037	-	-	17,626,060,037
Các khoản cho vay	1,081,496,000	-	-	1,081,496,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<u>48,515,045,346</u>	<u>122,329,200</u>	<u>-</u>	<u>48,637,374,546</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	903,752,741	-	-	903,752,741
Phải trả người bán, phải trả khác	8,032,800,015	-	-	8,032,800,015
Chi phí phải trả	70,995,854	-	-	70,995,854
	<u>9,007,548,610</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9,007,548,610</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	7,418,181,955	-	-	7,418,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	7,229,050,685	-	-	7,229,050,685
	<u>14,647,232,640</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14,647,232,640</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48,287,262,118	11,424,050,675	59,711,312,793
Chi phí bộ phận trực tiếp	44,588,371,323	10,442,310,154	55,030,681,477
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,698,890,795	981,740,521	4,680,631,316
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	399,284,182	399,284,182
Tài sản bộ phận trực tiếp	28,663,362,303	35,965,590,171	64,628,952,474
Tài sản không phân bổ	-	-	137,231,675,195
Tổng tài sản	28,663,362,303	35,965,590,171	201,860,627,669
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	6,355,664,730	-	6,355,664,730
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4,569,071,507
Tổng nợ phải trả	6,355,664,730	-	10,924,736,237

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khác			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	272,609,863	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	376,000,000	470,000,000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	3,081,496,000	600,000,000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	3,300,000,000	1,081,496,000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	599,902,810	381,628,705

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	34,000,021,370	32,961,741,494	(1,038,279,876)	32,658,993,519	31,620,713,643	(1,038,279,876)
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20,000,000,000	20,000,000,000	-	18,658,972,149	18,658,972,149	-
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10,000,000,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000	10,000,000,000	-
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	4,000,021,370	2,961,741,494	(1,038,279,876)	4,000,021,370	2,961,741,494	(1,038,279,876)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4,700,000,000	4,700,000,000	-	4,700,000,000	4,700,000,000	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	4,700,000,000	-	4,700,000,000	4,700,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	122,329,200	122,329,200	-	122,329,200	122,329,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	62,829,200	-	62,829,200	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa	59,500,000	59,500,000	-	59,500,000	59,500,000	-
	38,822,350,570	37,784,070,694	(1,038,279,876)	37,481,322,719	36,443,042,843	(1,038,279,876)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24,360,948,779	50,091,531,654	3,136,149,894	260,325,978	106,258,100	77,955,214,405
- Mua trong kỳ	-	-	-	399,284,182	-	399,284,182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(534,557,103)	-	-	(534,557,103)
Số dư cuối kỳ	24,360,948,779	50,091,531,654	2,601,592,791	659,610,160	106,258,100	77,819,941,484
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13,680,196,597	31,827,305,420	1,624,958,918	178,927,912	71,724,204	47,383,113,051
- Khấu hao trong kỳ	614,050,726	2,266,604,491	111,280,483	68,647,420	5,312,904	3,065,896,024
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(383,742,016)	-	-	(383,742,016)
Số dư cuối kỳ	14,294,247,323	34,093,909,911	1,352,497,385	247,575,332	77,037,108	50,065,267,059
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10,680,752,182	18,264,226,234	1,511,190,976	81,398,066	34,533,896	30,572,101,354
Tại ngày cuối kỳ	10,066,701,456	15,997,621,743	1,249,095,406	412,034,828	29,220,992	27,754,674,425

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.110.179.714 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	26,670,276	2,267,030,110	1,883,243,149	-	410,457,237
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	37,029,521	37,029,521	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	45,252,892	-	38,497,700	23,997,700	35,752,892	5,000,000
Các loại thuế khác	-	-	11,566,008	11,566,008	-	-
	45,252,892	26,670,276	2,354,123,339	1,955,836,378	35,752,892	415,457,237

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	7,418,181,955	7,418,181,955	3,857,336,066	10,371,765,280	903,752,741	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(*)	5,833,326,255	5,833,326,255	2,307,354,941	7,236,928,455	903,752,741	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh	1,584,855,700	1,584,855,700	1,549,981,125	3,134,836,825	-	-
	7,418,181,955	7,418,181,955	3,857,336,066	10,371,765,280	903,752,741	-

(*) Hợp đồng tín dụng số HCM.TB.031306614 ngày 03 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 Đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 30/06/2015 là từ 4%/năm đến 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 41.380,62 USD (tương đương 903.752.741 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(3,778,977,560)	190,451,220,765
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	126,190,169	126,190,169
Số dư cuối kỳ trước	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(3,652,787,391)	190,577,410,934
Số dư đầu năm nay	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(4,556,483,861)	189,673,714,464
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	1,262,176,968	1,262,176,968
Số dư cuối kỳ này	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(3,294,306,893)	190,935,891,432

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD ngày 15/04/2015, thông qua Kế hoạch phát hành cổ phiếu từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 324.735 cổ phần với tỷ lệ phát hành là 100:6 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 06 cổ phiếu mới). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9,917,400,000	16.96%	9,917,400,000	16.96%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,171,810,000	12.26%	7,171,810,000	12.26%
Ông Hoàng Văn Điều	5,460,950,000	9.34%	5,460,950,000	9.34%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3,357,200,000	5.74%	3,357,200,000	5.74%
Ông La Thế Nhân	2,788,210,000	4.77%	2,788,210,000	4.77%
Cổ đông khác	25,426,930,000	43.48%	25,426,930,000	43.48%
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.45%	4,358,140,000	7.45%
	58,480,640,000	100%	58,480,640,000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
131	1. Phải thu khách hàng	16,271,379,986	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16,271,379,986	-
132	2. Trả trước cho người bán	1,893,158,483	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1,893,158,483	-
135	5. Các khoản phải thu khác	2,246,696,291	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1,354,680,051	(892,016,240)
			215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	1,081,496,000	1,081,496,000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,717,636	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,717,636	-
240	III. Bất động sản đầu tư	36,926,926,935	230	III. Bất động sản đầu tư	36,926,926,935	-
241	- Nguyên giá	52,456,972,189	231	- Nguyên giá	52,456,972,189	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế	(15,530,045,254)	232	- Giá trị hao mòn lũy kế	(15,530,045,254)	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4,700,000,000	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4,700,000,000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	122,329,200	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	122,329,200	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1,038,279,876)	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1,038,279,876)	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	7,418,181,955	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7,418,181,955	-
312	2. Phải trả người bán	4,210,614,744	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	4,210,614,744	-
313	3. Người mua trả tiền trước	995,972,543	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	995,972,543	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26,670,276	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26,670,276	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,018,435,941	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	3,018,435,941	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(189,479,760)	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	189,479,760

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58,480,640,000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	1,477,656,109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	2,890,894,333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4,556,483,861)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

24	8. Chi phí bán hàng	899,237,423
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,483,433,299

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

13	Tiền lãi vay đã trả	(101,608,380)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	302,290,640
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1,204,640,138)
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(19,319,212,997)

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	58,480,640,000	-
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	58,480,640,000	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	4,368,550,442	2,890,894,333
			(2,890,894,333)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4,556,483,861)	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	(3,778,977,560)	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	(777,506,301)	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25	8. Chi phí bán hàng	899,237,423	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,483,433,299	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

14	Tiền lãi vay đã trả	(101,608,380)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	302,290,640	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1,204,640,138)	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(19,319,212,997)	-



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015